

TỔNG HỢP THỰC TRẠNG, NHU CẦU THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ DÙNG, ĐỒ CHƠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC VÀ THCS
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA TỖ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của UBND xã Ba Dinh)

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thiết bị dạy học hiện có				Nhu cầu giai đoạn 2026-2030		Trong đó				
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Năm 2026 (NH 2026- 2027)	Năm 2027 (NH 2027- 2028)	Năm 2028 (NH 2028- 2029)	Năm 2029 (NH 2029- 2030)	Năm 2030 (NH 2030- 2031)
				Còn sử dụng tốt	Hư hỏng nhưng khắc phục, sửa chữa được	Hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được							
a	b	c	1=2+3+4	2	3	4	5=7+8+9+10 +11+12	6	7	8	9	10	11
A	MẦM NON		28	7	16	5	20	1.150	5	2	2	0	11
I	Thiết bị dạy học tối thiểu		11	4	5	2	9	600	2	1	2	0	4
1	Nhóm trẻ 3 - 12 tháng tuổi	Bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhóm trẻ 12 - 24 tháng tuổi	Bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi	Bộ	0	0	0	0	1	50	0	0	0	0	1
4	Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	Bộ	1	0	0	1	2	130	1	0	0	0	1
5	Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	Bộ	3	2	0	1	3	210	1	0	1	0	1
6	Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Bộ	7	2	5	0	3	210	0	1	1	0	1
II	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời		3	0	3	0	4	450	0	1	0	0	3
1	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời dùng cho nhà trẻ	Bộ	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1
2	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời dùng cho mẫu giáo	Bộ	3	0	3	0	3	350	0	1	0	0	2
III	Thiết bị dùng chung		14	3	8	3	7	100	3	0	0	0	4
1	Máy vi tính	Bộ	8	0	5	3	3	60	0	0	0	0	3
2	Thiết bị âm thanh	Bộ	3	0	3	0	4	40	3	0	0	0	1
3	Thiết bị dùng chung khác	Bộ	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B	TIỂU HỌC		2.096	1.997	97	2	154	814	114	10	10	10	10
I	Thiết bị dạy học tối thiểu		1.738	1.737	0	1	104	52	104	0	0	0	0
1	Thiết bị dạy học lớp 1	Bộ	442	442	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Thiết bị dạy học lớp 2	Bộ	372	371	0	1	10	5	10	0	0	0	0
3	Thiết bị dạy học lớp 3	Bộ	299	299	0	0	44	22	44	0	0	0	0
4	Thiết bị dạy học lớp 4	Bộ	313	313	0	0	10	5	10	0	0	0	0
5	Thiết bị dạy học lớp 5	Bộ	312	312	0	0	40	20	40	0	0	0	0

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thiết bị dạy học hiện có				Nhu cầu giai đoạn 2026-2030		Trong đó				
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Năm 2026 (NH 2026-2027)	Năm 2027 (NH 2027-2028)	Năm 2028 (NH 2028-2029)	Năm 2029 (NH 2029-2030)	Năm 2030 (NH 2030-2031)
				Còn sử dụng tốt	Hư hỏng nhưng khắc phục, sửa chữa được	Hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được							
II	Thiết bị chuyên dùng, dùng chung (trừ thiết bị tại mục I)		61	50	10	1	50	762	10	10	10	10	10
1	Máy vi tính	Bộ	41	31	10	0	19	285	3	3	3	5	5
2	Ti vi HD 65 inch trở lên + cáp tín hiệu HDMI	Bộ	17	16	0	1	0	0	0	0	0	0	0
3	Máy điều hòa	Bộ	0	0	0	0	6	102	2	2	2	0	0
4	Hệ thống âm thanh	Bộ	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Thiết bị phòng thư viện	Bộ	0	0	0	0	25	375	5	5	5	5	5
6	Thiết bị nhà ăn, nhà bếp	Bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Thiết bị phòng nội trú	Bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Thiết bị khác	Bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
V	Hệ thống bàn ghế học sinh		297	210	87	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Loại 2 chỗ ngồi	Bộ	297	210	87	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Loại khác	Bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
C	THCS		562	561	0	1	186	1.987	101	40	19	19	7
I	Thiết bị dạy học tối thiểu		446	446	0	0	20	1.200	4	4	4	4	4
1	Thiết bị dạy học lớp 6	Bộ	231	231	0	0	5	300	1	1	1	1	1
2	Thiết bị dạy học lớp 7	Bộ	151	151	0	0	5	300	1	1	1	1	1
3	Thiết bị dạy học lớp 8	Bộ	29	29	0	0	5	300	1	1	1	1	1
4	Thiết bị dạy học lớp 9	Bộ	35	35	0	0	5	300	1	1	1	1	1
II	Thiết bị chuyên dùng, dùng chung (trừ thiết bị tại mục I)		26	25	0	1	26	606,536	7	6	5	5	3
1	Máy vi tính	Bộ	19	19	0	0	15	190	3	3	3	3	3
2	Ti vi HD 65 inch trở lên + cáp tín hiệu HDMI	Bộ	6	5	0	1	2	62	1	1	0	0	0
3	Máy điều hòa	Bộ	0	0	0	0	8	100	2	2	2	2	0
4	Hệ thống âm thanh	Bộ	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Thiết bị phòng thư viện	Bộ	0	0	0	0	1	255	1	0	0	0	0
6	Thiết bị nhà ăn, nhà bếp	Bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Thiết bị phòng nội trú	Bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Thiết bị khác	Bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thiết bị dạy học hiện có				Nhu cầu giai đoạn 2026-2030		Trong đó				
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Năm 2026 (NH 2026- 2027)	Năm 2027 (NH 2027- 2028)	Năm 2028 (NH 2028- 2029)	Năm 2029 (NH 2029- 2030)	Năm 2030 (NH 2030- 2031)
				Còn sử dụng tốt	Hư hỏng nhưng khắc phục, sửa chữa được	Hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được							
III	Hệ thống bàn ghế học sinh		90	90	0	0	140	180	90	30	10	10	0
1	Loại 2 chỗ ngồi	Bộ	40	40	0	0	100	120	80	20	0	0	0
2	Loại khác	Bộ	50	50	0	0	40	60	10	10	10	10	0
	CỘNG		2.686	2.565	113	8	360	3.951	220	52	31	29	28

0

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA DINH

TRƯỜNG MẦM NON BA DINH

**TỔNG HỢP THỰC TRẠNG, NHU CẦU THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ DÙNG, ĐỒ CHƠI
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-MNBD ngày 21 tháng 8)

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thiết bị dạy học hiện có			
			Tổng số	Trong đó		
				Còn sử dụng tốt	Hư hỏng nhưng khắc phục, sửa chữa được	Hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được
a	b	c	1=2+3+4	2	3	4
A	MẦM NON					
I	Thiết bị dạy học tối thiểu		8	4	2	2
1	Nhóm trẻ 3 - 12 tháng tuổi	Bộ	0			
2	Nhóm trẻ 12 - 24 tháng tuổi	Bộ	0			
3	Nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi	Bộ	0			
4	Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	Bộ	1			1
5	Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	Bộ	3	2		1
6	Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Bộ	4	2	2	
II	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời					
1	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời dùng cho nhà trẻ	Bộ	0			
2	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời dùng cho mẫu giáo	Bộ	1		1	
III	Thiết bị dùng chung					
1	Máy vi tính	Bộ	5		5	
2	Thiết bị âm thanh	Bộ	3		3	
3	Thiết bị dùng chung khác	Bộ	3	3		
B	TIỂU HỌC					
I	Thiết bị dạy học tối thiểu					
1	Thiết bị dạy học lớp 1	Bộ				
2	Thiết bị dạy học lớp 2	Bộ				
3	Thiết bị dạy học lớp 3	Bộ				
4	Thiết bị dạy học lớp 4	Bộ				
5	Thiết bị dạy học lớp 5	Bộ				

II	Thiết bị chuyên dùng, dùng chung (trừ thiết bị tại mục I)					
1	Máy vi tính	Bộ				
2	Ti vi HD 65 inch trở lên + cáp tín hiệu HDMI	Bộ				
3	Máy điều hòa	Bộ				
4	Hệ thống âm thanh	Bộ				
5	Thiết bị phòng thư viện	Bộ				
6	Thiết bị nhà ăn, nhà bếp	Bộ				
7	Thiết bị phòng nội trú	Bộ				
8	Thiết bị khác	Bộ				
V	Hệ thống bàn ghế học sinh					
1	Loại 2 chỗ ngồi	Bộ				
2	Loại khác	Bộ				
C	THCS					
I	Thiết bị dạy học tối thiểu					
1	Thiết bị dạy học lớp 6	Bộ				
2	Thiết bị dạy học lớp 7	Bộ				
3	Thiết bị dạy học lớp 8	Bộ				
4	Thiết bị dạy học lớp 9	Bộ				
II	Thiết bị chuyên dùng, dùng chung (trừ thiết bị tại mục I)					
1	Máy vi tính	Bộ				
2	Ti vi HD 65 inch trở lên + cáp tín hiệu HDMI	Bộ				
3	Máy điều hòa	Bộ				
4	Hệ thống âm thanh	Bộ				
5	Thiết bị phòng thư viện	Bộ				
6	Thiết bị nhà ăn, nhà bếp	Bộ				
7	Thiết bị phòng nội trú	Bộ				
8	Thiết bị khác	Bộ				
III	Hệ thống bàn ghế học sinh					
1	Loại 2 chỗ ngồi	Bộ				
2	Loại khác	Bộ				

Phụ lục 4

**IỜ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC VÀ THCS
BẢN XÃ BA DINH**

năm 2025 của Trường MN Ba Dinh)

[illegible]

kidsmart
đàn
tivi

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA DINH

**TỔNG HỢP THỰC TRẠNG, NHU CẦU THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ DÙNG, ĐỒ CHƠI
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số/BC-..... ngày tháng năm

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thiết bị dạy học hiện có			
			Tổng số	Trong đó		
				Còn sử dụng tốt	Hư hỏng nhưng khắc phục, sửa chữa được	Hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được
a	b	c	1=2+3+4	2	3	4
A	MẦM NON					
I	Thiết bị dạy học tối thiểu					
1	Nhóm trẻ 3 - 12 tháng tuổi	Bộ	0	0	0	0
2	Nhóm trẻ 12 - 24 tháng tuổi	Bộ	0	0	0	0
3	Nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi	Bộ	0	0	0	0
4	Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	Bộ	0	0	0	0
5	Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	Bộ	0	0	0	0
6	Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Bộ	3	0	3	0
II	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời					
1	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời dùng cho nhà trẻ	Bộ	0	0	0	0
2	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời dùng cho mẫu giáo	Bộ	2	0	2	0
III	Thiết bị dùng chung					
1	Máy vi tính	Bộ	3	0	0	3
2	Thiết bị âm thanh	Bộ	0	0	0	0
3	Thiết bị dùng chung khác	Bộ	0	0	0	0
B	TIỂU HỌC					
I	Thiết bị dạy học tối thiểu					
1	Thiết bị dạy học lớp 1	Bộ				
2	Thiết bị dạy học lớp 2	Bộ				
3	Thiết bị dạy học lớp 3	Bộ				
4	Thiết bị dạy học lớp 4	Bộ				
5	Thiết bị dạy học lớp 5	Bộ				
II	Thiết bị chuyên dùng, dùng chung (trừ thiết bị tại mục I)					
1	Máy vi tính	Bộ				

2	Ti vi HD 65 inch trở lên + cáp tín hiệu HDMI	Bộ				
3	Máy điều hòa	Bộ				
4	Hệ thống âm thanh	Bộ				
5	Thiết bị phòng thư viện	Bộ				
6	Thiết bị nhà ăn, nhà bếp	Bộ				
7	Thiết bị phòng nội trú	Bộ				
8	Thiết bị khác	Bộ				
V	Hệ thống bàn ghế học sinh					
1	Loại 2 chỗ ngồi	Bộ				
2	Loại khác	Bộ				
C	THCS					
I	Thiết bị dạy học tối thiểu					
1	Thiết bị dạy học lớp 6	Bộ				
2	Thiết bị dạy học lớp 7	Bộ				
3	Thiết bị dạy học lớp 8	Bộ				
4	Thiết bị dạy học lớp 9	Bộ				
II	Thiết bị chuyên dùng, dùng chung (trừ thiết bị tại mục I)					
1	Máy vi tính	Bộ				
2	Ti vi HD 65 inch trở lên + cáp tín hiệu HDMI	Bộ				
3	Máy điều hòa	Bộ				
4	Hệ thống âm thanh	Bộ				
5	Thiết bị phòng thư viện	Bộ				
6	Thiết bị nhà ăn, nhà bếp	Bộ				
7	Thiết bị phòng nội trú	Bộ				
8	Thiết bị khác	Bộ				
III	Hệ thống bàn ghế học sinh					
1	Loại 2 chỗ ngồi	Bộ				
2	Loại khác	Bộ				

Phụ lục 4

CHƠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC VÀ THCS A BÀN XÃ BA DINH

ăm 2025 của Trường Mầm non Ba Giang)

[illegible]

[illegible]

TRƯỜNG TIỂU HỌC BA DINH

TỔNG HỢP THỰC TRẠNG, NHU CẦU THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ DÙNG, ĐỒ CỤ
(Kèm theo Báo cáo số 136/BC-THBD ngày 19 tháng 8 năm 2020)

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thiết bị dạy học hiện có			
			Tổng số	Trong đó		
				Còn sử dụng tốt	Hư hỏng nhưng khắc phục, sửa chữa được	Hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được
a	b	c	1=2+3+4	2	3	4
B	TIỂU HỌC		300	288	10	2
I	Thiết bị dạy học tối thiểu		239	238	0	1
1	Thiết bị dạy học lớp 1	Bộ	73	73	0	0
2	Thiết bị dạy học lớp 2	Bộ	60	59	0	1
3	Thiết bị dạy học lớp 3	Bộ	16	16	0	0
4	Thiết bị dạy học lớp 4	Bộ	60	60	0	0
5	Thiết bị dạy học lớp 5	Bộ	30	30	0	0
II	Thiết bị chuyên dùng, dùng chung (trừ thiết bị tại mục I)		61	50	10	1
1	Máy vi tính	Bộ	41	31	10	
2	Ti vi HD 65 inch trở lên + cáp tín hiệu HDMI	Bộ	17	16		1
3	Máy điều hòa	Bộ	0	0		
4	Hệ thống âm thanh	Bộ	3	3		
5	Thiết bị phòng thư viện	Bộ	0	0		
6	Thiết bị nhà ăn, nhà bếp	Bộ	0			
7	Thiết bị phòng nội trú	Bộ	0			
8	Thiết bị khác	Bộ	0			
V	Hệ thống bàn ghế học sinh		0			
1	Loại 2 chỗ ngồi	Bộ	297	210	87	
2	Loại khác	Bộ	0			

Phụ lục 4

CHƠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC VÀ THCS
năm 2025 của Trường Tiểu học Ba Đình)

Nhu cầu giai đoạn 2026-2030		<i>Trong đó</i>				
Tổng số	Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Năm 2026 (NH 2026- 2027)	Năm 2027 (NH 2027- 2028)	Năm 2028 (NH 2028- 2029)	Năm 2029 (NH 2029- 2030)	Năm 2030 (NH 2030- 2031)
5=7+8+9+10 +11+12	6	7	8	9	10	11
154	814	114	10	10	10	10
104	52	104	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0
10	5	10	0	0	0	0
44	22	44	0	0	0	0
10	5	10	0	0	0	0
40	20	40	0	0	0	0
50	762	10	10	10	10	10
19	285	3	3	3	5	5
0	0					
6	102	2	2	2	0	0
0	0					
25	375	5	5	5	5	5
0	0					
0	0					
0	0					
0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0

250,6

ST T	Thiết bị	Đơn vị tính	Thiết bị dạy học hiện				Nhu cầu giai đoạn 2026-2030		Năm 2026 (NH 2026- 2027)
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến (triệu đồng)	
				Còn sử dụng tốt	Hư hỏng nhưng khắc phục, sửa chữa	Hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được			
5	Thiết bị dạy học lớp 5	Bộ							
II	Thiết bị chuyên dùng, dùng chung (trừ thiết bị tại mục I)								
1	Máy vi tính	Bộ							
2	Ti vi HD 65 inch trở lên + cáp	Bộ							
3	Máy điều hòa	Bộ							
4	Hệ thống âm thanh	Bộ							
5	Thiết bị phòng thư viện	Bộ							
6	Thiết bị nhà ăn, nhà bếp	Bộ							
7	Thiết bị phòng nội trú	Bộ							
8	Thiết bị khác	Bộ							
V	Hệ thống bàn ghế học								
1	Loại 2 chỗ ngồi	Bộ							
2	Loại khác	Bộ							
C	THCS								
I	Thiết bị dạy học tối								
1	Thiết bị dạy học lớp 6	Bộ	10	10			5	300.000	1
2	Thiết bị dạy học lớp 7	Bộ	7	7			5	300.000	1
3	Thiết bị dạy học lớp 8	Bộ	8	8			5	300.000	1
4	Thiết bị dạy học lớp 9	Bộ	6	6			5	300.000	1
II	Thiết bị chuyên dùng, dùng chung (trừ thiết bị tại mục I)								
1	Máy vi tính	Bộ	19	19			15	190.000.000	3
2	Ti vi HD 65 inch trở lên + cáp	Bộ	5	5		1	2	61.536.000	1
3	Máy điều hòa	Bộ	0	0			8	100.000.000	2
4	Hệ thống âm thanh	Bộ	1	1			0		
5	Thiết bị phòng thư viện	Bộ	0	0			1	255.000.000	1
6	Thiết bị nhà ăn, nhà bếp	Bộ	0	0			0		
7	Thiết bị phòng nội trú	Bộ	0	0			0		
8	Thiết bị khác	Bộ	0	0			0		
III	Hệ thống bàn ghế								
1	Loại 2 chỗ ngồi	Bộ	110	40			100	120.000.000	80
2	Loại khác	Bộ	60	50			40	60.000.000	10

Trong đó			
Năm 2027 (NH 2027- 2028)	Năm 2028 (NH 2028- 2029)	Năm 2029 (NH 2029- 2030)	Năm 2030 (NH 2030- 2031)
1	1	1	1
1	1	1	1
1	1	1	1
1	1	1	1
3	3	3	3
1			
2	2	2	
20			
10	10	10	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA DINH
TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS BA GIANG

TỔNG HỢP THỰC TRẠNG, NHU CẦU THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ DÙNG, ĐỒ CHƠI CÁC CƠ SỞ
(Kèm theo

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thiết bị dạy học hiện có				Nhu cầu ; 2026-
			Tổng số	Trong đó			Tổng số
				Còn sử dụng tốt	Hư hỏng nhưng khắc phục, sửa chữa được	Hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được	
a	b	c	1=2+3+4	2	3	4	5=7+8+9+1 0 23
A	MẦM NON						
I	Thiết bị dạy học tối thiểu						
1	Nhóm trẻ 3 - 12 tháng tuổi	Bộ					
2	Nhóm trẻ 12 - 24 tháng tuổi	Bộ					
3	Nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi	Bộ					
4	Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	Bộ					
5	Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	Bộ					
6	Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Bộ					
II	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời						
1	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời dùng cho nhà trẻ	Bộ					
2	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời dùng cho mẫu giáo	Bộ					
III	Thiết bị dùng chung						
1	Máy vi tính	Bộ					
2	Thiết bị âm thanh	Bộ					
3	Thiết bị dùng chung khác	Bộ					
B	Tiểu học						
I	Thiết bị dạy học tối thiểu						
1	Thiết bị dạy học lớp 1	Bộ	369	X			
2	Thiết bị dạy học lớp 2	Bộ	312	X			
3	Thiết bị dạy học lớp 3	Bộ	283	X			
4	Thiết bị dạy học lớp 4	Bộ	253	X			
5	Thiết bị dạy học lớp 5	Bộ	282	X			
II	Thiết bị chuyên dùng, dùng chung (trừ thiết bị tại mục I)						
1	Máy vi tính	Bộ					

2	Ti vi HD 65 inch trở lên + cáp tín hiệu HDMI	Bộ					
3	Máy điều hòa	Bộ					
4	Hệ thống âm thanh	Bộ					
5	Thiết bị phòng thư viện	Bộ					
6	Thiết bị nhà ăn, nhà bếp	Bộ					
7	Thiết bị phòng nội trú	Bộ					
8	Thiết bị khác	Bộ					
V	Hệ thống bàn ghế học sinh						
1	Loại 2 chỗ ngồi	Bộ					
2	Loại khác	Bộ					
C	THCS						
I	Thiết bị dạy học tối thiểu						
1	Thiết bị dạy học lớp 6	Bộ	221	X			
2	Thiết bị dạy học lớp 7	Bộ	144	X			
3	Thiết bị dạy học lớp 8	Bộ	21	X			
4	Thiết bị dạy học lớp 9	Bộ	29	X			
II	Thiết bị chuyên dùng, dùng chung (trừ thiết bị tại mục I)						
1	Máy vi tính	Bộ					
2	Ti vi HD 65 inch trở lên + cáp tín hiệu HDMI	Bộ					
3	Máy điều hòa	Bộ					
4	Hệ thống âm thanh	Bộ					
5	Thiết bị phòng thư viện	Bộ					
6	Thiết bị nhà ăn, nhà bếp	Bộ					
7	Thiết bị phòng nội trú	Bộ					
8	Thiết bị khác	Bộ					
III	Hệ thống bàn ghế học sinh						
1	Loại 2 chỗ ngồi	Bộ					
2	Loại khác	Bộ					

o Báo cáo số

[illegible]

[illegible]

Phụ lục 4

A BÀN.....

[illegible]

[illegible]